

Bản án số: 856/2026/HS-PT
Ngày 22-9-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Đắc Cường;

Ông Cao Nhật Thanh.

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Minh Hoàng - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thu Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh (Cơ sở 2) xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 769/2026/TLPT-HS ngày 27 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo Lê Thị H và đồng phạm, do có kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Phạm Vũ L và Phạm Văn T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 245/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Bị cáo có kháng cáo:**

1. Lê Thị H, sinh năm 1977 tại tỉnh Thanh Hóa; Căn cước công dân số: 074177007943; nơi cư trú: Khu phố C, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); chỗ ở hiện nay: Khu phố E, thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 0/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Ngọc Đ (đã chết) và bà Hồ Thị M; bị cáo có chồng tên Đậu Xuân N (đã chết) và có 03 con, con lớn nhất sinh năm 1998, con nhỏ nhất sinh năm 2010; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 21/3/2022, bị UBND thị trấn T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc theo Quyết định số 054/QĐ-XPHC, bị cáo nộp phạt ngày 25/3/2022. Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 09 tháng 10 năm 2024, trả tự do ngày 10 tháng 10 năm 2024, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2025 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Phạm Vũ L, sinh năm 1990 tại tỉnh Cà Mau; số căn cước công dân: 096090003776; nơi thường trú: Ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Cà Mau (nay là xã T, tỉnh Cà Mau); nơi tạm trú: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B,

Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 3/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn L1, sinh năm 1960 và bà Lê Thị T1, sinh năm 1962; bị cáo chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 27/11/2019, bị cáo bị Tòa án nhân dân thị xã Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc thời gian 22 tháng theo Quyết định số 103/QĐ-TA, bị cáo chấp hành xong quyết định ngày 23/7/2021. Bị cáo bị bắt phạm tội quả tang ngày 09 tháng 10 năm 2024, trả tự do ngày 10 tháng 10 năm 2024, bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2025 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Phạm Văn T, sinh ngày 17 tháng 3 năm 1996 tại tỉnh Bình Dương (nay là Thành phố Hồ Chí Minh); Căn cước công dân số: 074096001446; nơi thường trú: Ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nơi ở hiện nay: Ấp B, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh); nghề nghiệp: làm thuê; trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn K (đã chết) và bà Lê Thị L2, sinh năm 1977; bị cáo có vợ tên Nguyễn Thị Bích V, sinh năm 1990 (là bị cáo trong vụ án) và có 02 con, con lớn sinh năm 2020, con nhỏ sinh năm 2023; tiền án, tiền sự: không; nhân thân: ngày 12/10/2017, bị Tòa án nhân dân huyện Bắc Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (nay là Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh) xử phạt 06 tháng tù về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” theo Bản án số 31/2017/HSST, bị cáo chấp hành xong hình phạt ngày 05/4/2018, chấp hành xong án phí ngày 22/3/2017. Bị cáo bị áp dụng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 14/02/2025 đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Ngoài ra, trong vụ án còn có 09 bị cáo; 01 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Thái Hồng H1 và Nguyễn Văn P là vợ chồng và bán bầu, bí tại chòi rẫy thuộc ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh). Khoảng 13 giờ ngày 09/10/2024, Đào Thị D đến chòi rẫy của H1 và P để mua bầu, bí. Tại đây, D nhắn tin qua Facebook rủ Nguyễn Thị Bích V đến chòi rẫy của H1 và P để đánh bài thắng thua bằng tiền thì V đồng ý. Khoảng 10 phút sau, V và chồng là Phạm Văn T đi đến gặp D. Một lúc sau, Nguyễn Thị Gái E đến mua rau thì gặp D, T và V. D nói với H1 cho đánh bài và đưa cho H1 150.000 đồng. H1 đi mua bài Tây về cho D và T. Tại chòi rẫy của vợ chồng H1, D, T và Gái E đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào tổ thắng thua bằng tiền, mỗi ván cược từ 50.000 đồng đến 200.000 đồng, người nào có số nút lớn nhất sẽ được hết số tiền giữa chiếu bạc. Sau đó, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Mỹ L3 đến tham gia

đánh bạc cùng. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày, Phạm Vũ L đến tham gia chơi đánh bạc. Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, Lê Thị H đến tham gia chơi đánh bạc. Khoảng 10 phút sau, Dương Quang T2 và P tham gia chơi đánh bạc. Lúc này, D, T, Gái E, N1, L3, H, L, T2, P cùng nhau đánh bài cào tổ thắng thua bằng tiền. Trong quá trình đánh bạc, T đi vệ sinh cá nhân nên V thay T tham gia đánh bạc được khoảng 02 - 03 lượt bài, còn H1 có đưa cho P 150.000 đồng để P đánh bài. Khoảng 10 phút sau, T, V, L3, Gái E và N1 thua hết tiền nên ra về. Lúc này, D, L, H, T2, P tiếp tục chơi đánh bài. Đến khoảng 18 giờ cùng ngày, Trần Văn Đ1 gọi điện cho bị cáo P và biết có đánh bạc nên sử dụng xe mô tô biển số 35F3-1855 đến tham gia đánh bạc cùng. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, lực lượng Công an xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương tiến hành kiểm tra, phát hiện D, H, P, T2, L, Đ1 đang đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào tổ thắng thua bằng tiền, đồng thời phát hiện trên chiếu bạc 5.600.000 đồng. Lực lượng Công an đã tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với D, H, P, T2, L, Đ1 cùng vật chứng thu giữ. Các bị cáo D, H, P, T2, L, Đ1 khai nhận Gái E, N1, T, V, L3 có tham gia đánh bạc thắng thua bằng tiền cùng nhưng đã về trước. Công an xã T đã mời Gái E, N1, T, V, L3 đến trụ sở Công an xã T để làm việc. Qua làm việc, Gái E, N1, T, V, L3 khai nhận hành vi đánh bài cào tổ thắng thua bằng tiền cùng với D, H, P, T2, L tại chòi rẫy của H1 và P.

Quá trình điều tra các bị cáo khai nhận cụ thể như sau:

- Đào Thị D mang theo 1.650.000 đồng, sử dụng 900.000 đồng đánh bạc, thắng 450.000 đồng, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 1.350.000 đồng của D. Ngoài ra, D cho chồng là Phạm Vũ L 600.000 đồng sử dụng đánh bạc, cho bà Thái Hồng H1 150.000 đồng để mua nước.

- Phạm Văn T mang theo 850.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết 850.000 đồng.

- Nguyễn Thị Gái E mang theo 300.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết 300.000 đồng.

- Nguyễn Thị N1 mang theo 750.000 đồng sử dụng đánh bạc, thua hết 750.000 đồng.

- Nguyễn Thị Mỹ L3 mang theo 500.000 đồng sử dụng đánh bạc thua hết 500.000 đồng.

- Phạm Vũ L được vợ là Đào Thị D cho 600.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng được 200.000 đồng, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 800.000 đồng của L.

- Lê Thị H mang theo 500.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng 50.000 đồng, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 550.000 đồng của H.

- Nguyễn Văn P mang theo 850.000 đồng và được vợ là bà Thái Hồng H1 cho 150.000 đồng sử dụng đánh bạc, thắng 1.550.000 đồng, P cho T2 mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 1.550.000 đồng của P.

- Dương Quang T2 được Nguyễn Văn P cho mượn 1.000.000 đồng để đánh bạc, thua 550.000 đồng, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 450.000 đồng của T2.

- Trần Văn Đ1 mang theo 1.000.000 đồng sử dụng đánh bạc. Bị cáo Đ1 lấy ra 200.000 đồng để giữa chiếu bạc, còn 800.000 đồng Đ1 để trong túi quần sau bên trái khi nào thua hết tiền sẽ lấy tiền trong túi quần ra để tiếp tục đánh bạc. Bị cáo Đ1 thắng được 700.000 đồng, tại vị trí giữa chiếu bạc thu giữ 900.000 đồng của Đ1.

- Nguyễn Thị Bích V đi cùng chồng là Phạm Văn T và khi T đi vệ sinh thì V thay T tham gia đánh bạc được 03 lượt bài.

- Thái Hồng H1 có đưa cho chồng là Nguyễn Văn P 150.000 đồng để đánh bạc và biết P dùng số tiền trên để đánh bạc.

Trên cơ sở lời khai của D, H, Đ1, P, T2, L, Gái E, N1, T, V, L3, H1 và biên bản bắt người phạm tội quả tang của Công an xã T vào ngày 09/10/2024 xác định số tiền các bị cáo D, T, V, Gái E, N1, L3, H, L, T2, P sử dụng đánh là 5.400.000 đồng; số tiền các bị cáo D, H, P, T2, L, Đ1 sử dụng đánh là 6.400.000 đồng.

* Vật chứng và tài liệu thu giữ:

- Số tiền 1.350.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Vivo của Đào Thị Diệu .

- Số tiền 550.000 đồng và 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius màu đen, biển số 61N1-165.52, số máy: E32VE193365, số khung: RLCUE3710LY101752 của Lê Thị H.

- Số tiền 900.000 đồng, số tiền 800.000 đồng trong túi quần sau bên trái, 01 điện thoại di động nhãn hiệu 4G VoLTE màu vàng, số IMEI: 862476062075840, 01 xe mô tô nhãn hiệu Wave màu đỏ, biển số 35F3-1855, số máy: 152FM00038084, số khung: LXDXCHL07X6009206 của Trần Văn Đ1.

- Số tiền 450.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo màu xanh đen, số IMEI: 862251057015337, 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu xanh, biển số 61C1-580.79, số máy: G3D4E168547, số khung: RLCUG0610FY155837 của Dương Quang T2.

- Số tiền 1.550.000 đồng và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen, số IMEI: 352607740227612 của Nguyễn Văn P.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Oppo của Nguyễn Thị Bích V.

- Số tiền 800.000 đồng của Phạm Vũ L.

- 11 bộ bài tây.

- 02 chiếc chiếu hình chữ nhật.

Tại Bản án số 64/2025/HS-ST ngày 15/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử phạt bị cáo Đào Thị D 35.000.000 đồng; các bị cáo Lê Thị H, Trần Văn Đ1, Phạm Vũ L và Phạm Văn T mỗi bị cáo

06 tháng tù; các bị cáo Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3 và Thái Hồng H1 mỗi bị cáo 30.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Sau khi xét xử sơ thẩm, các bị cáo Lê Thị H, Phạm Vũ L và Phạm Văn T kháng cáo.

Ngày 20/01/2026, tại Bản án số 50/2026/HS-PT, Tòa án nhân dân Thành phố Chí Minh đã hủy toàn bộ bản án sơ thẩm để điều tra lại số tiền các bị cáo sử dụng đánh bạc, thời điểm các bị cáo tham gia đánh bạc, tổng số tiền các bị cáo dùng vào việc đánh bạc theo từng đợt; điều tra làm rõ các bị cáo P và H1 đã sử dụng địa điểm trên, cung cấp công cụ, dụng cụ và cho các bị cáo đánh bạc được bao nhiêu lần, gồm những ai và đã thu lợi bao nhiêu.

Tại Cáo trạng số 268/CT-VKSHCM-KV ngày 13/5/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị cáo Đào Thị D, Lê Thị H, Trần Văn Đ1, Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Phạm Vũ L, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3, Thái Hồng H1 về tội “Đánh bạc”, quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh đã quyết định:

Tuyên bố: Các bị cáo Đào Thị D, Lê Thị H, Trần Văn Đ1, Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Phạm Vũ L, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3, Thái Hồng H1 phạm tội “Đánh bạc”.

1. Về trách nhiệm hình sự và hình phạt:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Vũ L 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên xử phạt bị cáo Đào Thị D 35.000.000 đồng; bị cáo Trần Văn Đ1 06 tháng tù; các bị cáo Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3 và Thái Hồng H1 mỗi bị cáo 30.000.000 đồng; tuyên về xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo Lê Thị H kháng cáo xin được hưởng hình phạt tiền; các bị cáo Phạm Vũ L và Phạm Văn T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa trình bày quan điểm giải quyết vụ án:

Về thời hạn kháng cáo: Đơn kháng cáo của các bị cáo trong thời hạn luật định nên Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục phúc thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 331, 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Xét yêu cầu kháng cáo của bị cáo, xét thấy: Các bị cáo phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Đào Thị D là người rủ rê, bị cáo Thái Hồng H1 là người chuẩn bị công cụ, cung cấp tiền cho bị cáo Nguyễn Văn P và sử dụng địa điểm của mình quản lý để cho các bị cáo Lê Thị H, Phạm Văn T, Phạm Vũ L và các bị cáo khác thực hiện hành vi đánh bạc; các bị cáo còn lại đều trực tiếp tham gia đánh bạc với vai trò thực hành, mức độ tham gia tương đương nhau. Bản thân các bị cáo H, L, T đều có nhân thân xấu, nhưng không xem đó làm bài học cho bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi vi phạm pháp luật. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an toàn xã hội, làm phát sinh các tệ nạn xã hội khác. Do đó, cần có mức hình phạt tương xứng đối với từng bị cáo để răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung. Các bị cáo kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm xem xét lại bản án do mức án quá nghiêm khắc nhưng các bị cáo không cung cấp được tình tiết mới nên kháng cáo của các bị cáo không có căn cứ để chấp nhận.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo; giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

** Các bị cáo không tranh luận.*

Trong lời nói sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận kháng cáo cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Đơn kháng cáo của các bị cáo được thực hiện trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện để Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm, có đủ cơ sở xác định: Ngày 09/10/2024, tại chòi rẫy của vợ chồng bị cáo Thái Hồng H1 và Nguyễn Văn P ở ấp V, xã T, huyện B, tỉnh Bình Dương (nay là xã B, Thành phố Hồ Chí Minh), bị cáo Thái Hồng H1 đã có hành vi sử dụng nhà của mình, cung cấp 11 bộ bài tây cho các bị cáo đánh bạc bằng hình thức đánh bài cào tổ thắng thua bằng tiền. Các bị cáo Đào Thị D, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Nguyễn Thị Mỹ L3, Phạm Vũ L, Lê Thị H, Dương Quang T2, Nguyễn Văn P sử dụng tổng số tiền 5.400.000 đồng để đánh

bạc. Sau khi các bị cáo Phạm Văn T, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3, Nguyễn Thị Gái E và Nguyễn Thị N1 thua hết tiền nên ra về trước thì bị cáo Trần Văn Đ1 đến chòir rầy tham gia đánh bạc với các bị cáo Đào Thị D, Lê Thị H, Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Phạm Vũ L với số tiền sử dụng vào mục đích đánh bạc là 6.400.000 đồng. Do có sự thay đổi người tham gia nên số tiền sử dụng đánh bạc khác nhau.

Trong quá trình đánh bạc, khi bị cáo T đi vệ sinh, bị cáo V thay bị cáo T tham gia đánh bạc khoảng 02 - 03 lượt bài thắng, thua bằng tiền. Bị cáo H1 đã có hành vi cho các bị cáo mượn địa điểm, mua bài tây cho các bị cáo đánh bạc; đưa 150.000 đồng cho bị cáo P để đánh bạc.

Do đó, hành vi của các bị cáo Đào Thị D, Lê Thị H, Trần Văn Đ1, Nguyễn Văn P, Dương Quang T2, Phạm Vũ L, Nguyễn Thị Gái E, Nguyễn Thị N1, Phạm Văn T, Nguyễn Thị Bích V, Nguyễn Thị Mỹ L3 và Thái Hồng H1 thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội “Đánh bạc” theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự. Tòa án cấp sơ thẩm xét xử các bị cáo về tội danh, điều khoản nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Phạm Vũ L và Phạm Văn T Hội đồng xét xử xét thấy: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá tính chất, mức độ phạm tội và xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân đối với các bị cáo. Bị cáo H đã từng bị xử phạt 1.500.000 đồng về hành vi đánh bạc; các bị cáo Phạm Vũ L và Phạm Văn T đã từng bị xét xử hoặc áp dụng biện pháp xử lý hành chính, nhưng các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng bản thân mà tiếp tục thực hiện hành vi phạm tội mới. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với các bị cáo là phù hợp, không nặng, đảm bảo tính răn đe đối với các bị cáo và phòng ngừa, giáo dục chung trong xã hội. Các bị cáo kháng cáo nhưng không cung cấp được tình tiết mới cho yêu cầu kháng cáo của mình. Vì vậy, cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để các bị cáo có thể sửa chữa bản thân và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm. Do đó, không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm số 245/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh.

[4] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đề nghị không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo là cùng quan điểm với Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[5] Các phần quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị nên có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[6] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo của các bị cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án

phí và lệ phí Tòa án và Danh mục Án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết này.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Lê Thị H, Phạm Vũ L và Phạm Văn T. Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 245/2026/HS-ST ngày 20 tháng 7 năm 2026 của Tòa án nhân dân khu vực 17 - Thành phố Hồ Chí Minh như sau:

Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017),

Xử phạt bị cáo Lê Thị H 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09 tháng 10 năm 2024 đến ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Vũ L 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án, được khấu trừ thời gian tạm giữ từ ngày 09 tháng 10 năm 2024 đến ngày 10 tháng 10 năm 2024.

Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 06 (sáu) tháng tù về tội “Đánh bạc”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 135, Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Các bị cáo Lê Thị H, Phạm Vũ L và Phạm Văn T mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- VKSND TP.HCM;
- Phòng Hồ sơ - Công an TP.HCM;
- TAND khu vực 17 - TP.HCM;
- VKSND khu vực 17 - TP.HCM;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Phòng THADS khu vực 17 - TP.HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP, 25. (76)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Tùng